

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/DS-ST

Ngày: 12-8-2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công.
2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2020/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm: 1972; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Bình Hiệp A, xã BTT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú D, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp Hưng Thành Tây, xã LH A, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số chứng thực 25, quyền số 01/2020-SCT/CK, ĐC ngày 03/02/2020 của UBND xã Vĩnh Thạnh, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng TT.

Địa chỉ: Ấp Phú Long 2, xã Long Điền B, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Chí Th. Là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc công ty).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2020 của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B, quá trình tòa án giải quyết và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Phú D trình bày:

Ngày 25/5/2018, ông Huỳnh Văn B với Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng TT (Công ty TT) do ông Dương Chí Th là giám đốc đại diện theo pháp luật cho công ty cùng nhau ký kết Hợp đồng giao khoán về việc giao khoán nhân công thi công công trình Trường THCS Hòa An, hạng mục: Khối phòng học bộ môn. Theo đó, Công ty TT là bên giao khoán (bên sử dụng dịch vụ) và ông B là bên nhận khoán (Bên cung ứng dịch vụ) để thi công công trình Trường THCS Hòa An với diện tích xây dựng là 1.333m^2 x đơn giá 1.200.000 đồng/ m^2 , thành tiền là 1.599.600.000 đồng. Phương thức Th toán hàng tuần Bên sử dụng dịch vụ phải Th toán cho bên cung ứng dịch vụ tương ứng 90% khối lượng hoàn thành thực tế đã thi công tại công trường.

Thực hiện theo hợp đồng đến nay đã hoàn thành khoảng 95% khối lượng công việc tương ứng với số tiền là 1.284.212.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng thì phát sinh cần làm mới hạng mục hàng rào trường học có chiều dài 288m nên ông Th tiếp tục đại diện cho Công ty TT cùng ông B thỏa thuận giao thêm cho ông B nhận thực hiện hạng mục này với đơn giá là 390.000 đồng/m. Khi ông B thực hiện được 230m tương ứng số tiền là $230\text{m} \times 390.000 \text{ đồng} = 89.700.000$ đồng thì Công ty TT không tiếp tục ứng tiền nên ông B đã ngưng thực hiện toàn bộ công việc cho đến nay.

Như vậy, tổng khối lượng công việc mà ông B đã thực hiện cho Công ty TT theo hợp đồng đã giao kết thành tiền là 1.185.000.000 đồng + 89.700.000 đồng = 1.373.912.000 đồng và Công ty TT đã tạm ứng cho ông B tổng số tiền là 1.185.000.000 đồng nên còn nợ lại ông B số tiền là 188.912.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Phú D cho rằng việc Công ty TT không ứng tiền tiếp cho ông B thực hiện công việc là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ Th toán của hợp đồng. Do đó, ông B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TT phải có nghĩa vụ Th toán cho ông B số tiền còn lại là 188.912.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Dương Chí Th là người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Công ty TNHH Xây dựng TT đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Th với tư cách là đại diện hợp pháp cho Công ty TT đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Huỳnh Văn B căn cứ Hợp đồng giao khoán đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Xây dựng TT phải có nghĩa vụ Thanh toán số tiền còn nợ nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS);

Công ty TT với tư cách là bị đơn trong vụ án có địa chỉ trụ sở chính tại ấp Long Phú 2, xã Long Điền B, huyện CM, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang;

Tòa án đã triệu tập họp lệ người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Dương Chí Th đến lần thứ hai nhưng ông Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Th không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn B cho rằng vào ngày 25/5/2018 có cùng Công ty TT ký kết Hợp đồng giao khoán, theo đó Công ty TT giao cho ông B thực hiện việc thi công công trình Trường THCS Hòa An với diện tích xây dựng là 1.333m^2 x đơn giá 1.200.000 đồng/ m^2 , thành tiền là 1.599.600.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng thì phát sinh cần làm mới hàng rào trường học có chiều dài 288m nên Công ty TT đã giao thêm cho ông B thực hiện với đơn giá là 390.000 đồng/m. Khi công trình hoàn thành khoảng 95% khối lượng tương ứng số tiền là 1.284.212.000 đồng và làm mới hàng rào được 230m tương ứng số tiền là $230\text{m} \times 390.000 \text{ đồng} = 89.700.000 \text{ đồng}$ thì Công ty TT chỉ ứng được cho ông B số tiền là 1.185.000.000 đồng thì không ứng tiền tiếp cho đến nay nên vẫn còn nợ lại ông B số tiền là 188.912.000 đồng.

Chứng minh cho lời trình bày cũng như yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp Hợp đồng Giao khoán số 02/HĐ-GK do ông B cùng ông Dương Chí Th đại diện ký tên đóng dấu Công ty TT kèm Bảng chiết tính đơn giá công nhân. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 BLTTDS. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Dương Chí Th không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa để đối chiếu nợ, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Do đó, lời trình bày cũng như chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là cơ sở để Tòa án xác định việc Công ty TT có giao kết hợp đồng giao khoán cho ông Huỳnh

Văn B thực hiện công việc và hiện còn nợ ông B số tiền là 188.912.000 đồng hoàn toàn đúng như ông B trình bày. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ Th toán của hợp đồng nên nguyên đơn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bị đơn phải Th toán số tiền còn nợ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 513, khoản 2 Điều 515, khoản 3 Điều 518, khoản 1 Điều 519 và khoản 2 Điều 520 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận.

Ông B không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên Công ty TT phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ Th toán nợ là: $188.912.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.445.600 \text{ đồng}$ làm tròn 9.446.000 đồng (*Chín triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Ông Huỳnh Văn B không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.722.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008090 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CM, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 2 Điều 468 ; Điều 513, khoản 2 Điều 515, khoản 3 Điều 518, khoản 1 Điều 519 và khoản 2 Điều 520 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn B. Buộc bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng TT phải có nghĩa vụ Th toán cho ông B số tiền là 188.912.000 đồng (*Một trăm tám mươi tám triệu chín trăm mười hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng TT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.446.000 đồng (*Chín triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Ông Huỳnh Văn B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.722.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008090 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CM, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- CC THA huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án.

Lê Hữu Nghĩa